

Nhân tố ảnh hưởng thu hút đầu tư vào KCN, CCN tỉnh Tiền Giang

PHẠM VĂN ƠN*
TRẦN PHAN ĐOAN KHÁNH**

Thu hút vốn đầu tư là một trong những nhân tố quan trọng tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho mỗi địa phương. Song, trong rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, cần xem xét mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố. Qua việc nghiên cứu vấn đề này đối với các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) tỉnh Tiền Giang, bài viết sẽ giúp các nhà quản lý của Tỉnh có các chính sách hữu hiệu để thu hút các nhà đầu tư.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Theo Dunning, John H (1977), một doanh nghiệp chỉ thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) khi hội tụ ba điều kiện: Doanh nghiệp phải sở hữu một số lợi thế so với doanh nghiệp khác; Nội vi hóa, tức việc sử dụng những lợi thế đó trong nội bộ doanh nghiệp có lợi hơn là bán, hay cho các doanh nghiệp khác thuê; Sản xuất tại nước tiếp nhận đầu tư có chi phí thấp hơn là sản xuất tại nước mẹ rồi xuất khẩu.

Romer (1986) và Lucas (1988) cho thấy, các nhân tố tác động tới hành vi đầu tư là: (1) Sự thay đổi trong nhu cầu; (2) Lãi suất; (3) Mức độ phát triển của hệ thống tài chính; (4) Đầu tư công; (5) Khả năng về nguồn nhân lực; (6) Các dự án đầu tư khác trong cùng ngành hay trong các ngành có mối liên kết; (7) Tình hình phát triển công nghệ; (8) Mức độ ổn định về môi trường đầu tư; (9) Các quy định về thủ tục; (10) Mức độ đầy đủ về thông tin. Trong lý thuyết tiếp thị địa phương đã chỉ ra rằng, những nhân tố tác động vào sự thỏa mãn của nhà đầu tư có thể chia thành ba nhóm chính, đó là: Cơ sở vật chất hạ tầng đầu tư; Chế độ, chính sách đầu tư; Môi trường làm việc và sinh sống.

Trên cơ sở lý thuyết trên, tác giả đã xây dựng ra mô hình các nhân tố ảnh

hưởng đến thu hút đầu tư vào các KCN, CCN của Tiền Giang như Hình với các nhân tố sau: Cơ sở vật chất hạ tầng đầu tư (CSHT); Chất lượng dịch vụ công (CLDV); Lợi thế ngành đầu tư (LTDT); Môi trường sống và làm việc (MTLV); Chế độ chính sách đầu tư (CSDT); Chi phí đầu vào cạnh tranh (CPCT); Nguồn nhân lực (NNL); Thương hiệu địa phương (THDP); Sự đồng ý của nhà đầu tư (SDY).

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính và định lượng. Trong bài viết này, nhóm tác giả chỉ trình bày kết quả phần định lượng. Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã tiến hành thu thập dữ liệu thông qua việc gửi bảng khảo sát đến 130 doanh nghiệp đang hoạt động tại 4 KCN và 4 CCN trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (trong thời gian năm 2014). Sau khi thu thập, các bảng câu hỏi khảo sát được xem xét mức độ hoàn chỉnh về thông tin. Những bảng câu hỏi khảo sát không đầy đủ thông tin được loại bỏ, kết quả thu về được 124

HÌNH: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THU HÚT ĐẦU TƯ



* TS., BIDV Tiền Giang

** ThS., Trường Đại học Tiền Giang | Email: onpv@bidv.com.vn

BẢNG 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỆ SỐ CRONBACH ALPHA

| STT | Thang đo | Cronbach's Alpha |
|-----|----------|------------------|
| 1 | CSHT | 0.749 |
| 2 | CLDV | 0.512 |
| 3 | LTDT | 0.721 |
| 4 | MTLV | 0.825 |
| 5 | CSDT | 0.813 |
| 6 | CPCT | 0.730 |
| 7 | NNL | 0.810 |
| 8 | THDP | 0.691 |
| 9 | SDY | 0.836 |

BẢNG 2: KMO VÀ KIỂM ĐỊNH BARTLETT

| | | |
|---|--------------------|-----------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy | | 0.804 |
| Bartlett's Test of Sphericity | Approx. Chi-Square | 4,706.131 |
| | df | 496 |
| | Sig. | 0.000 |

BẢNG 3: NHÓM CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| STT | Thang đo | Giải thích thang đo | Kỳ vọng |
|-----|----------|---------------------------|---------|
| 1 | CSHT | Cơ sở vật chất hạ tầng | + |
| 2 | NNL | Nguồn nhân lực | + |
| 3 | CSDT | Chính sách đầu tư | + |
| 4 | THDP | Thương hiệu địa phương | + |
| 5 | MTLV | Môi trường sống, làm việc | + |
| 6 | CPCT | Chi phí cạnh tranh | + |
| 7 | LTDT | Lợi thế đầu tư | + |
| 8 | SDY | Sự đồng ý của nhà đầu tư | + |

BẢNG 4: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY TUYẾN TÍNH

| Coefficients | | | | | |
|--|----------------------|------------|--------|-------|-------|
| Model | b | Std. Error | t | Sig. | VIF |
| (Constant) | 2.607 ^{ns} | 2.174 | 1.199 | 0.232 | |
| CSHT | 0.164* | 0.080 | 2.046 | 0.042 | 2.616 |
| LTDT | -0.021 ^{ns} | 0.056 | -0.380 | 0.704 | 1.016 |
| MTLV | 0.225** | 0.060 | 3.776 | 0.000 | 2.844 |
| CSDT | 0.112* | 0.056 | 1.980 | 0.047 | 1.109 |
| CPCT | 0.213* | 0.083 | 2.550 | 0.011 | 1.044 |
| NNL | 0.087* | 0.043 | 2.020 | 0.045 | 1.291 |
| THDP | 0.081 ^{ns} | 0.067 | 1.207 | 0.229 | 1.122 |
| R ² : 0.565 Sig.F: 7.54E-37 | | | | | |

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS từ số liệu khảo sát

Ghi chú: **: ý nghĩa đến 1%; *: ý nghĩa đến 5%; ns: không có ý nghĩa

bảng câu hỏi đủ điều kiện (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định Cronbach's Alpha

Công cụ này dùng kiểm định độ tin cậy và loại đi những biến quan sát, thang đo không đạt. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (item-total correlation) nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại và tiêu chuẩn chọn thang đo khi Cronbach's Alpha từ 0.6 trở lên.

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0.3, nên đạt

yêu cầu. Đồng thời, qua Bảng 1 cho thấy, các thang đo đều có Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6. Chỉ riêng thang đo Chất lượng dịch vụ công có hệ số Cronbach's Alpha là 0.512, nhỏ hơn 0.6 nên không đáp ứng điều kiện của lý thuyết. Do vậy, thang đo này chưa đạt yêu cầu và không được sử dụng trong việc phân tích hồi quy.

Như vậy, qua kiểm định Cronbach's Alpha, mô hình có 8 thang đo đảm bảo chất lượng.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) = 0.804, thỏa mãn điều kiện $0.5 < KMO < 1$, nên phân tích EFA là thích hợp cho dữ liệu thực tế. Kiểm định Bartlett có Sig. < 0.05 nên các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Theo kết quả phân tích EFA được thực hiện, có 7 thang đo đại diện cho thu hút đầu tư và 1 thang đo đại diện cho sự đồng ý (hài lòng) của các nhà đầu tư. Tổng hợp kết quả như Bảng 3.

Phân tích hồi quy

Phân tích hồi quy chỉ ra tầm quan trọng của từng nhân tố và đưa ra mô hình thích hợp nhất cho việc nghiên cứu. Theo kết quả Bảng 4, hệ số R² (R Square) = 0.565, có nghĩa 56.5% sự thay đổi của biến phụ thuộc (sự đồng ý đầu tư của doanh nghiệp - SDY) được giải thích bởi các biến Cơ sở vật chất hạ tầng; Lợi thế đầu tư; Chính sách đầu tư; Nguồn nhân lực; Chi phí đầu tư vào cạnh tranh; Môi trường làm việc; Thương hiệu địa phương trong mô hình hồi quy, còn 43.5% là do các nhân tố tác động khác không được nghiên cứu trong mô hình.

Giá trị Sig.F rất nhỏ, nên ta có thể nhận định được rằng, mô hình có ý nghĩa. VIF các biến độc lập được đưa vào phương trình hồi quy tuyến tính bội có giá trị nhỏ hơn 10, nên không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Như trong Bảng 4, biến Lợi thế đầu tư và Thương hiệu địa phương không có ý nghĩa thống kê, do vậy ta có phương trình mô hình hồi quy tổng quát như sau:

$$SDY = 0.164CSHT + 0.225MTLV + 0.112CSDT + 0.213CPCT + 0.087NNL + U_i$$

KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Phân tích hồi quy xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút đầu

tư tại KCN, CCN tỉnh Tiền Giang, đó là: (1) Cơ sở vật chất hạ tầng; (2) Môi trường sống và làm việc; (3) Chính sách đầu tư; (4) Chi phí cạnh tranh; (5) Nguồn nhân lực. Trên cơ sở kết quả này, tác giả có một số gợi ý chính sách sau để tăng cường thu hút đầu tư vào các KCN, CCN ở Tiền Giang:

Thứ nhất, đẩy nhanh hơn nữa tiến độ xây dựng hạ tầng các KCN, CCN chuẩn bị tốt các điều kiện về mặt bằng sản xuất cho các nhà đầu tư; xây dựng và từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, như: điện, nước, thông tin liên lạc... để các doanh nghiệp triển khai dự án thuận lợi. Điều này rất cần sự quan tâm hỗ trợ kinh phí kịp thời, đồng thời đòi hỏi ban quản lý các KCN nâng cao hiệu quả điều hành, đôn đốc các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục trong và ngoài hàng rào KCN; khẩn trương hoàn thiện công trình cấp nước sạch phục vụ hoạt động các doanh nghiệp. Để công tác giải phóng mặt bằng đạt kết quả tốt, ban quản lý các KCN cần chỉ đạo các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng phối hợp chặt chẽ với địa phương thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất.

Thứ hai, môi trường sống và làm việc có ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hút đầu tư, vì thế nên chú ý đến việc tạo các khu làm việc, sinh sống cho công nhân tại các KCN, CCN một cách an toàn. Không chỉ về nhà ở, mà còn cần phát triển hạ tầng đô thị và hạ tầng xã hội với môi trường sống xung quanh các KCN, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của người lao động là điều kiện tiên quyết để người công nhân có thể ổn định cuộc sống. Cụ thể là, cần chú ý đầu tư các khu vui chơi sinh hoạt lành mạnh xung quanh KCN, CCN...

Thứ ba, cần tăng cường thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư mà Tỉnh đã ban hành để hấp dẫn các nhà đầu tư hạ tầng KCN. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, hiệu quả. Trong đó, phải ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp giấy chứng nhận đầu tư và các thủ tục hành chính khác, thực hiện đăng ký hồ sơ, tiếp nhận và trả kết quả qua hệ thống mạng internet, thực hiện công bố các chủ trương, chính sách mới của Trung ương, của Tỉnh trên website của Tỉnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn vững, am hiểu luật pháp, có kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, có trình độ ngoại ngữ, tinh thần trách nhiệm cao và phẩm chất đạo đức tốt để đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ các nhà đầu tư.

Thứ tư, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực dưới nhiều hình thức để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách để đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, thu hút cán bộ và lao động có trình độ cho một số ngành công nghiệp chủ lực trong KCN. Chú trọng đào tạo lao động cung ứng cho các ngành nghề mới; đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp. Kết hợp đào tạo nghề dài hạn để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề với việc đào tạo nghề ngắn hạn, nhằm cung cấp kịp thời lao động cho sản xuất công nghiệp. Nâng cấp và phát triển các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề tại địa phương. Mở rộng mạng lưới và xã hội hóa việc đào tạo nghề. Tăng cường liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn cả nước. □

Abstract:

Attracting investment is an important factors to motivate socio-economic development in localities. however, among factors affecting investment, it's essential to consider the level of their influence. By studying this issue in case of Tien Giang's industrial zones, industrial complexes, the article will help the provincial managers to make effective policies so as to attract investors .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2010). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức
2. Đinh Phi Hổ (2011). *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*, Nxb Phương Đông
3. Dunning, John H (1977). *Trade, Location of Economic Activity and the MNE: A Search for an Eclectic Approach*, University of Reading, Department of Economics
4. Romer, M. (1986). Increasing returns and long-run growth, *Journal of Political Economy*, Vol. 94, No. 5, pp. 1002-1037
5. Lucas, R. (1988). On the mechanics of economic development, *Journal of Monetary Economics*, Vol. 22, pp. 3-42